

Số: 340 /BC-BYT

Hà Nội, ngày 14 tháng 03 năm 2022

**BÁO CÁO****Tình hình dịch và kết quả triển khai công tác phòng, chống dịch Covid-19**  
**(Từ 16h00 ngày 12/3/2022 đến 16h00 ngày 13/3/2022)**

Bộ Y tế (Cơ quan thường trực của Ban Chỉ đạo Quốc gia) báo cáo tình hình dịch và kết quả triển khai công tác phòng, chống dịch Covid-19 như sau:

**I. Tình hình dịch bệnh trên thế giới**

Tổng số ca mắc trên thế giới vượt 457,2 triệu ca, trong đó trên 6 triệu ca tử vong.

Ngày 11/3, các chuyên gia y tế cộng đồng thuộc Tổ chức Y tế thế giới (WHO) đã khởi động thảo luận về các tiêu chí đánh giá và thời điểm có thể tuyên bố kết thúc tình trạng khẩn cấp y tế toàn cầu do dịch COVID-19. Đây được coi là cột mốc quan trọng sau hơn hai năm đại dịch này bùng phát và hoành hành trên thế giới. Quyết định quan trọng này - nếu được đưa ra - không chỉ là một dấu mốc mang ý nghĩa lớn, mà chắc chắn sẽ tác động đến nhiều chính sách y tế cộng đồng. Tuy nhiên, WHO cũng thừa nhận rằng "ở thời điểm hiện tại, chúng ta chưa đạt đến mức đó". Nhiều quốc gia trên thế giới đã nói lỏng các biện pháp phòng dịch COVID-19 để quay trở lại hoạt động xã hội bình thường như nói lỏng quy định đeo khẩu trang, cách ly và mở cửa biên giới, đón khách du lịch... Tuy nhiên, vẫn có một số quốc gia ghi nhận con số kỷ lục về ca lây nhiễm. WHO cho biết trong tuần qua thế giới đã có thêm 10 triệu ca mắc COVID-19 và 52.000 trường hợp tử vong do căn bệnh này.

**II. Tình hình dịch bệnh tại Việt Nam**

Tính đến 16h00 ngày 13/3/2022, cả nước ghi nhận 6.112.648 ca mắc, trong đó 6.106.611 ca trong nước. Đến nay đã có 3.163.571 người khỏi bệnh, 41.290 ca tử vong. Trong đợt dịch thứ 4 đã ghi nhận 6.109.796 ca, trong đó có 6.105.041 ca trong nước, 3.160.754 người đã khỏi bệnh (51,7%), 41.255 tử vong tại 60 tỉnh, thành phố (chi tiết tại Phụ lục 1).

**III. Tình hình dịch trong ngày****1. Số ca mắc mới trong ngày**

- Ghi nhận 166.968 ca mắc mới, trong đó 166.953 ca ghi nhận trong nước (giảm 1.751 ca so với ngày trước đó) tại 62 tỉnh, thành phố.

+ Các địa phương ghi nhận trong ngày: Hà Nội (29.269), Nghệ An (10.243), Đắk Lắk (7.569), Phú Thọ (6.534), Bắc Ninh (6.417), Lạng Sơn (4.816), Hưng Yên (4.599), Sơn La (4.538), Hải Dương (4.406), Hòa Bình (4.337), Lào Cai (3.921), Tuyên Quang (3.696), Nam Định (3.379), Điện Biên (3.320), Quảng Bình (3.271), Bến Tre (3.059), Quảng Ninh (2.990), Vĩnh Phúc (2.987), Cà Mau (2.972), Bắc Giang (2.853), Bình Dương (2.851), Quảng Trị (2.793), Thái Bình (2.781), Thái Nguyên (2.738), Bình Định (2.424), Ninh Bình (2.379), Hà Nam (2.317), Yên Bái (2.281), Bình Phước (2.273), Cao Bằng (2.259), Hồ Chí Minh (2.257), Lai Châu (2.148), Hà Giang (1.911), Lâm Đồng (1.877), Hải Phòng (1.593), Đắk Nông (1.578), Bắc Kạn (1.394), Phú Yên (1.378), Đà Nẵng (1.338), Vĩnh Long (1.285), Thanh Hóa (1.210), Khánh Hòa (1.188), Tây Ninh (1.078), Bà Rịa - Vũng Tàu (1.059), Trà Vinh (1.047),

Hà Tĩnh (896), Bình Thuận (855), Quảng Ngãi (509), Kon Tum (401), Quảng Nam (332), Bạc Liêu (314), Đồng Nai (170), Long An (168), Cần Thơ (133), Thừa Thiên Huế (129), An Giang (123), Kiên Giang (111), Đồng Tháp (70), Sóc Trăng (41), Hậu Giang (40), Tiền Giang (27), Ninh Thuận (21).

+ Có 15 ca nhập cảnh ghi nhận tại Phú Thọ (13), Yên Bái (1), An Giang (1).

- Trong ngày, ghi nhận báo cáo bổ sung 42.533 ca mắc tại Bắc Giang sau khi rà soát, bổ sung đầy đủ thông tin.

- Các địa phương ghi nhận số ca mắc trong ngày giảm nhiều so với ngày trước: Gia Lai (giảm 3.107), Hải Phòng (giảm 1.607), Hà Nội (giảm 1.424).

- Các địa phương ghi nhận số ca mắc trong ngày tăng so với ngày trước: Đắk Lắk (tăng 7.568), Bến Tre (tăng 1.078), Bắc Ninh (tăng 748).

## **2. Kết quả giám sát các trường hợp mắc trong cộng đồng**

- Cả nước ghi nhận 100.536 ca mắc trong cộng đồng (chiếm 60,2% tổng số mắc trong ngày), giảm 16.112 ca so với ngày trước đó.

- Một số địa phương ghi nhận số mắc trong ngày trong cộng đồng, gồm:

+ TP. Hà Nội: Trong ngày ghi nhận 2.056 ca cộng đồng (giảm 14.421 ca so với ngày trước đó). Tích lũy số mắc giai đoạn 4 đến nay trên địa bàn là 808.384 ca.

+ TP. Hồ Chí Minh: Trong ngày ghi nhận 2.257 ca cộng đồng (giảm 547 ca so với ngày trước đó). Tích lũy số mắc giai đoạn 4 đến nay trên địa bàn là 568.772 ca.

+ Tỉnh Đắk Lắk: Trong ngày ghi nhận 6.175 ca cộng đồng (tăng 6.174 ca so với ngày trước đó). Tích lũy số mắc giai đoạn 4 đến nay trên địa bàn là 71.841 ca.

+ Tỉnh Bắc Ninh: Trong ngày ghi nhận 5.745 ca thông qua sàng lọc (tăng 504 ca so với ngày trước đó). Tích lũy số mắc giai đoạn 4 đến nay trên địa bàn là 224.142 ca.

+ Tỉnh Lạng Sơn: Trong ngày ghi nhận 4.637 ca cộng đồng (tăng 428 ca so với ngày trước đó). Tích lũy số mắc giai đoạn 4 đến nay trên địa bàn là 73.775 ca.

- Trong 7 ngày qua, các địa phương ghi nhận số mắc trong cộng đồng tăng so với 7 ngày trước đó: TP. Hà Nội tăng 17.320 ca, Bình Dương tăng 12.378 ca; các địa phương ghi nhận số mắc trong cộng đồng giảm: Quảng Ninh (giảm 10.099 ca), Khánh Hòa (giảm 1.084 ca).

## **3. Kết quả giám sát điều trị**

- Từ đầu giai đoạn 4 đến nay, có 3.160.754 người đã khỏi bệnh (52%), tăng 95.538 người so với ngày trước đó. Hiện nay đang điều trị, giám sát 2.907.787 trường hợp, trong đó có 4.107 trường hợp nặng đang điều trị, trong đó: (1) Thở ô xy qua mặt nạ: 3.243 (2) Thở ô xy dòng cao HFNC: 427; (3) Thở máy không xâm lấn: 117; (4) Thở máy xâm lấn: 316; (5) EMO: 4.

- Trong ngày 12/3, ghi nhận 62 trường hợp tử vong (giảm 9 ca so với ngày trước đó), tại: Hà Nội (10), Đồng Nai (4), Quảng Ninh (4), Quảng Trị (4), Bạc Liêu (3), Nam Định (3), Nghệ An (3), Ninh Bình (3), Phú Thọ (3), Phú Yên (3), An Giang (2), Bắc Ninh (2), Bình Dương (2), Hà Giang (2), Lạng Sơn (2), Thái Nguyên (2), Bắc Giang (1), Bắc Kạn (1), Bến Tre (1), Bình Thuận (1), Cà Mau (1), Đà Nẵng (1), Điện Biên (1), Sóc Trăng (1), Tây Ninh (1), TP. Hồ Chí Minh (1).

## **IV. Công tác chỉ đạo, điều hành**

- Tiếp tục chỉ đạo các địa phương tăng cường giám sát, phát hiện sớm các trường hợp nghi ngờ mắc COVID-19 tại cộng đồng, các trường hợp có biểu hiện ho, sốt để kịp thời khoanh vùng, cách ly, xử lý triệt để ổ dịch không để lây lan, bùng phát rộng; đồng thời triển khai tốt các hoạt động y tế, tránh lây nhiễm chéo trong cách ly, khu phong tỏa.

- Tiếp tục chỉ đạo các địa phương tăng cường và hoàn thành tiêm mũi 3, mũi nhắc lại vaccine phòng COVID-19 trong tháng 3.

#### V. Công tác xét nghiệm:

Tính đến ngày 12/3/2022, cả nước đã thực hiện xét nghiệm được 41.318.067 mẫu cho 85.229.538 lượt người được xét nghiệm, trong đó từ 29/4/2021 – nay đã thực hiện xét nghiệm được 35.584.903 mẫu tương đương 81.481.599 lượt người, tăng 226.828 mẫu so với ngày trước đó. Về việc gộp mẫu bệnh phẩm, từ ngày 16/8/2020 đến nay cả nước đã thực hiện 6.926.461 mẫu gộp cho 48.938.996 lượt người.

#### VI. Công tác tiêm chủng:

##### 1. Tiến độ tiếp nhận vắc xin

Tổng số vắc xin phòng COVID-19 đã tiếp nhận đến ngày 13/3/2022 là 221,8 triệu liều, cụ thể:

TT	Loại vắc xin	Nguồn Ngân sách nhà nước mua	Nguồn viện trợ, tài trợ				Tổng số vắc xin đã tiếp nhận
			Tổng viện trợ, tài trợ	Viện trợ COVAX	Viện trợ Chính phủ các nước	Tài trợ doanh nghiệp	
	(1)	(2)	(3) = 4+5+6	(4)	(5)	(6)	(7)=2+3
1	AstraZeneca	30.327.036	33.630.840	13.572.980	19.671.460	386.400	63.957.876
2	Pfizer	50.999.130	33.753.120	29.161.080	4.592.040	0	84.752.250
3	Moderna	0	14.077.160	14.036.360	40.800	0	14.077.160
4	Sinopharm	20.000.000	32.261.200	61.200	7.200.000	25.000.000	52.261.200
5	Abdala	5.000.000	150.000	0	150.000	0	5.150.000
6	Sputnik V	0	1.508.998	0	32.000	1.476.998	1.508.998
7	Sputnik Light	0	100.000	0	100.000	0	100.000
<b>I</b>	<b>Tổng số vắc xin đã tiếp nhận</b>	106.326.166	115.481.318	56.831.620	31.786.300	26.863.398	<b>221.807.484</b>
<b>II</b>	<b>Tổng số vắc xin đã phân bổ</b>						<b>204.004.076</b>
<b>III</b>	<b>Số vắc xin viện trợ cho Lào</b>						<b>500.000</b>
<b>IV</b>	<b>Số vắc xin chưa phân bổ</b>						<b>17.303.408</b>

Bộ Y tế đã tiếp nhận đủ số vắc xin mua từ nguồn Ngân sách Nhà nước. Trong tổng số 221,8 triệu liều đã tiếp nhận, đã phân bổ 204 triệu liều và viện trợ cho Lào 500.000 liều vắc xin AstraZeneca, còn khoảng 17,3 triệu liều<sup>1</sup> chưa phân bổ do mới được tiếp nhận, cần tiến hành các thủ tục để kiểm định chất lượng, xuất xưởng vắc xin.

##### 2. Kết quả tiêm chủng đến hết ngày 12/3/2022

Cả nước đã tiêm 200.179.247 liều (trong ngày tiêm được 160.665 liều), tỷ lệ sử dụng đạt 98,1% số vắc xin phân bổ 131 đợt. Tỷ lệ tiêm trên các nhóm đối tượng như sau:

Đối tượng <sup>2</sup>	Mũi 1	Mũi 2	Mũi 3*
Người lớn (>=18 tuổi)	100,0%	98,9%	41,5%
Trẻ em (12-17 tuổi)	99,0%	94,0%	-

<sup>1</sup> 17,3 triệu liều chưa phân bổ gồm: 9,1 triệu liều Pfizer mua; 2,2 triệu liều Pfizer cho Chính phủ Úc viện trợ; 0,1 triệu liều AstraZeneca do Chính phủ Singapore viện trợ; 0,2 triệu liều Moderna (liều 0,5ml); 5,1 triệu liều Pfizer và 0,5 triệu liều AstraZeneca do COVAX viện trợ.

<sup>2</sup> Hiện tại có sự di biến động dân cư, đặc biệt trong nhóm đối tượng từ 18 tuổi trở lên. Số liệu đối tượng từ 12-17 tuổi và từ 18 tuổi trở lên đang tổng hợp theo Công văn số 3614/VSDTTU-TCQG ngày 31/12/2021 của Viện VSDTTU và theo điều chỉnh của địa phương sau đó (nếu có).

*Ghi chú: (\*) Mũi nhắc lại*

**- Số liều tiêm cho người từ 18 tuổi trở lên là 183.127.441 liều:**

+ Mũi 1: 70.912.760 liều

+ Mũi 2: 69.296.792 liều<sup>3</sup>; Mũi bổ sung: 14.459.451 liều.

+ Mũi 3: 28.458.438 liều

47/63 tỉnh, thành phố có tỷ lệ bao phủ mũi 2 trên 95%.

16/63 tỉnh, thành phố có tỷ lệ bao phủ mũi 2 từ 90% đến dưới 95%<sup>4</sup>.

**- Số liều tiêm cho trẻ từ 12-17 tuổi là 17.051.806 liều:**

+ Mũi 1: 8.747.265 liều

+ Mũi 2: 8.304.541 liều.

57/63 tỉnh, thành phố có tỷ lệ bao phủ mũi 2 trên 90%.

06/63 tỉnh, thành phố có tỷ lệ bao phủ mũi 2 dưới 90%<sup>5</sup>.

(Chi tiết phân bố và kết quả tiêm chủng của địa phương tại Phụ lục đính kèm)

**VII. Hoạt động của các Bộ, ngành:** chi tiết tại Phụ lục 4.

### **VIII. Nhận định**

Số mắc mới có xu hướng gia tăng nhanh tại hầu hết các tỉnh, thành phố trong tháng qua, số trường hợp tử vong trên dưới 100 ca mỗi ngày, hiện vẫn trong khả năng đáp ứng của hệ thống y tế. Trong thời gian tới, khi mở cửa trở lại hoạt động giáo dục đào tạo trực tiếp, nhất là thời gian tới Việt Nam nới lỏng cách ly y tế, giảm các hạn chế đối với hoạt động vận chuyển hành khách trên tất cả các phương tiện, lượng khách quốc tế đi, đến Việt Nam sẽ gia tăng mạnh sẽ không tránh khỏi gia tăng nguy cơ lây nhiễm, nguy cơ tiếp tục gia tăng áp lực lên hệ thống y tế.

### **IX. Một số hoạt động trọng tâm trong thời gian tới**

1. Bộ Y tế tiếp tục phối hợp chặt chẽ với các Bộ, ngành liên quan tổ chức triển khai hoạt động phòng, chống dịch COVID-19:

- Phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch để thường xuyên đánh giá tình hình dịch bệnh, chuẩn bị sẵn sàng các phương án đáp ứng dịch khi đưa học sinh quay lại trường học và mở cửa du lịch.

- Phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường, các địa phương trong việc tăng cường công tác quản lý chất thải đối với các trường hợp mắc COVID-19 quản lý tại nhà để đảm bảo an toàn phòng, chống dịch COVID-19.

- Phối hợp với Thanh tra Chính phủ, Bộ Tài chính và các địa phương để tăng cường quản lý việc mua, bán, sử dụng thuốc điều trị COVID-19, quản lý giá, phòng tránh tiêu cực, tham nhũng; thúc đẩy công khai, minh bạch trong quản lý; phòng chống thuốc giả, thuốc không rõ nguồn gốc; có biện pháp đẩy mạnh việc sử dụng các sản phẩm thuốc đông y, y dược cổ truyền và test kit xét nghiệm.

2. Bộ Y tế và các địa phương:

- Đẩy mạnh thông tin, tuyên truyền, hướng dẫn, tư vấn sử dụng thuốc điều trị COVID-19. Trong đó ưu tiên những người thuộc đối tượng chống chỉ định cần được tư vấn, thăm khám (kể cả trực tuyến) để đảm bảo sử dụng thuốc được an toàn.

---

Bao gồm 1.493.137 liều Abdala mũi 3. Vắc xin Abdala có lộ trình tiêm 3 liều cơ bản, mỗi liều cách nhau 14 ngày Hà Nam (93,6%), Hòa Bình (90,8%), Hà Tĩnh (92,4%), Lai Châu (93,9%), Cao Bằng (90,1%), Sơn La (94,4%), Điện Biên (92,4%), Quảng Trị (91,7%), Quảng Ngãi (94,3%), Bình Định (91,0%), Phú Yên (92,0%), Kon Tum (94,6%), Đắk Lắk (94,7%), Đồng Nai (94,5%), Tây Ninh (93,2%) và Bình Dương (92,4%).

Điện Biên (87,1%), Quảng Bình (86,2%), Gia Lai (87,2%), Đắk Lắk (88,4%), TP. HCM (82,1%) và Bình Dương (78,7%).

- Đánh giá xu hướng tăng/giảm ca nặng, số ca nhập viện so với số ca mắc để đánh giá nguy cơ tình hình dịch, không để quá tải hệ thống y tế.

- Tiếp tục đẩy mạnh tiêm chủng, bảo đảm tiến độ tiêm vắc xin; tăng cường vận động người dân tiêm vắc xin, đi từng ngõ, gõ từng nhà, rà từng người để tránh bỏ sót; các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh rà soát và tổ chức tiêm liều cơ bản và liều bổ sung cho người trên 50 tuổi, người có bệnh nền đến khám bệnh, chữa bệnh tại cơ sở; sau khi đã tiêm đủ liều cơ bản thì triển khai tiêm liều bổ sung và liều nhắc lại theo thứ tự ưu tiên; chủ động tiếp cận trước các nguồn vắc xin cho trẻ em dưới 12 tuổi (trước mắt là vắc xin Pfizer theo đa số quốc gia trên thế giới).

- Nâng cao năng lực thu dung, điều trị; giảm tối đa các trường hợp tử vong; chủ động, sẵn sàng các biện pháp phòng, chống dịch theo diễn biến dịch bệnh trên địa bàn nhằm phát hiện sớm, điều trị sớm, hạn chế tối đa các trường hợp chuyển biến nặng, tử vong; tăng cường theo dõi, giám sát sức khỏe người nhiễm vi rút để kịp thời liên hệ với cơ sở y tế ngay khi có nhu cầu.

Tạo điều kiện thuận lợi cho việc khai báo ca bệnh tại cộng đồng, hỗ trợ triển khai các thủ tục, chính sách đối với người nhiễm bệnh và mua thuốc điều trị COVID-19.

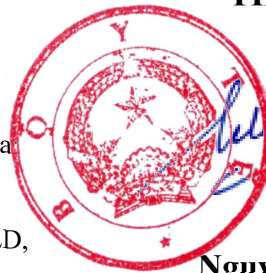
- Nâng cao năng lực tư vấn, hỗ trợ điều trị COVID-19, dự phòng cơ sở thuốc kháng vi rút, thuốc hỗ trợ điều trị COVID-19, vật tư y tế cần thiết... tại các trạm y tế phường, xã, trạm y tế lưu động nhằm đáp ứng nhu cầu tự điều trị COVID-19 tại nhà của người dân và giảm tải cho các cơ sở y tế, bệnh viện tuyến trên. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong tư vấn hỗ trợ người dân tự điều trị tại nhà.

3. Tiếp tục đẩy mạnh tuyên truyền về phòng, chống dịch bệnh; nâng cao ý thức cá nhân trong việc chủ động, tự giác thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch; thực hiện đúng các quy định, hướng dẫn của Bộ Y tế trong quản lý, điều trị người nhiễm COVID-19 tại nhà, không áp dụng theo các hướng dẫn từ các nguồn thông tin không tin cậy, chưa được kiểm chứng.

**Nơi nhận:**

- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Phó Thủ tướng Vũ Đức Đam (để báo cáo);
- Các Đồng chí PTT Chính phủ (để báo cáo);
- Các Văn phòng: TƯ, QH, CTN, CP;
- Đoàn Kiểm tra 35;
- Các Đồng chí thành viên Ban chỉ đạo Quốc gia;
- Đồng chí Bộ trưởng (để báo cáo);
- Các Đồng chí Thứ trưởng;
- Các Vụ, Cục thuộc Bộ Y tế: YTDP, KCB, QLD, MT, KHTC, TTKT;
- Lưu: VT, DP.

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**



**Nguyễn Trường Sơn**

**Phụ lục 1: Tổng hợp số mắc, tử vong trong nước từ 27/4/2021**

TT	Địa phương, đơn vị	Số mắc ngày 12/3	Số mắc ngày 13/3	Tăng, giảm (-) so với ngày trước	Số mắc tích lũy đến 13/3	Số tử vong tích lũy đến 12/3
<b>Có lấy nhiễm thử phát trong 14 ngày qua:</b>		<b>168.704</b>	<b>166.953</b>	<b>-1.751</b>	<b>6.104.839</b>	<b>41.255</b>
1	Hà Nội	30.693	29.269	-1424	808.384	1.131
2	Hồ Chí Minh	2804	2257	-547	568.772	20.437
3	Bình Dương	2696	2851	155	339.051	3.412
4	Bắc Ninh	5.669	6.417	748	224.142	125
5	Nghệ An	11.666	10.243	-1423	216.172	121
6	Bắc Giang	2794	2853	59	196.073	62
7	Phú Thọ	7216	6534	-682	176.082	54
8	Quảng Ninh	2988	2990	2	170.245	60
9	Vĩnh Phúc	2823	2987	164	159.672	19
10	Nam Định	3432	3379	-53	155.164	118
11	Hưng Yên	4492	4599	107	129.537	5
12	Hải Dương	4.460	4.406	-54	125.662	90
13	Hòa Bình	4279	4337	58	121.780	93
14	Thái Nguyên	2716	2738	22	112.920	84
15	Đồng Nai	269	170	-99	103.854	1.768
16	Tây Ninh	1401	1078	-323	102.079	848
17	Hải Phòng	3.200	1.593	-1607	100.174	131
18	Khánh Hòa	1560	1188	-372	99.803	319
19	Cà Mau	3200	2972	-228	94.856	306
20	Thái Bình	2747	2781	34	89.272	17
21	Thanh Hóa	1338	1210	-128	87.674	89
22	Bình Phước	2683	2273	-410	84.756	205
23	Bình Định	2687	2424	-263	84.130	243
24	Sơn La	4872	4538	-334	81.198	0
25	Đà Nẵng	1517	1338	-179	78.485	300
26	Lạng Sơn	4479	4816	337	73.775	52
27	Đắk Lắk	1	7569	7568	71.841	126
28	Hà Giang	1971	1911	-60	65.101	67
29	Ninh Bình	2507	2379	-128	65.026	75
30	Tuyên Quang	4287	3696	-591	64.594	9
31	Lào Cai	3539	3921	382	64.567	27
32	Vĩnh Long	1335	1285	-50	63.081	779
33	Bến Tre	1981	3059	1078	59.579	407
34	Quảng Bình	2921	3271	350	54.130	56
35	BRVT	1211	1059	-152	52.301	469
36	Yên Bái	2186	2281	95	51.898	9
37	Đồng Tháp	72	70	-2	48.642	976
38	Cần Thơ	197	133	-64	47.036	915
39	Trà Vinh	1177	1047	-130	45.816	256
40	Long An	202	168	-34	44.388	990
41	Lâm Đồng	1735	1877	142	44.288	103
42	Hà Nam	2327	2317	-10	41.613	45



TT	Địa phương, đơn vị	Số mắc ngày 12/3	Số mắc ngày 13/3	Tăng, giảm (-) so với ngày trước	Số mắc tích lũy đến 13/3	Số tử vong tích lũy đến 12/3
43	Điện Biên	2728	3320	592	40.979	10
44	Bạc Liêu	293	314	21	40.803	402
45	Bình Thuận	646	855	209	39.856	439
46	Cao Bằng	2442	2259	-183	39.797	25
47	Quảng Trị	2827	2793	-34	38.912	27
48	Quảng Nam	328	332	4	37.704	97
49	An Giang	94	123	29	36.724	1.336
50	Kiên Giang	124	111	-13	35.919	922
51	Tiền Giang	27	27	0	35.727	1.220
52	Sóc Trăng	46	41	-5	33.053	591
53	Phú Yên	1555	1378	-177	31.698	107
54	Gia Lai	3107		-3107	31.646	66
55	T.T.Huế	242	129	-113	31.426	171
56	Lai Châu	2599	2148	-451	30.529	0
57	Đắc Nông	1427	1578	151	29.374	41
58	Quảng Ngãi	693	509	-184	26.160	109
59	Hà Tĩnh	873	896	23	25.217	22
60	Hậu Giang	41	40	-1	16.625	207
61	Bắc Kạn	1493	1394	-99	16.443	8
62	Kon Tum	770	401	-369	11.071	0
63	Ninh Thuận	19	21	2	7.563	57
<b>14 ngày qua không có lây nhiễm thứ phát tại địa phương:</b>						
<b>Đã qua 14 ngày không ghi nhận ca mắc mới:</b>					<b>202</b>	<b>-</b>
	BVND TW				96	
	BV K				106	
	<b>Tổng cộng</b>	<b>168.704</b>	<b>166.953</b>	<b>-1.751</b>	<b>6.105.041</b>	<b>41.255</b>

**PHỤ LỤC 2**  
**PHÂN BỐ VÀ KẾT QUẢ TIÊM CHỦNG VẮC XIN PHÒNG COVID-19 TẠI 63 TỈNH, THÀNH PHỐ**  
**(Tính đến hết ngày 12/3/2022)**

TT	Tỉnh	Tổng số vắc xin phân bố 131 đợt	Mũi 1 cho người trên 18 tuổi	Mũi 2 cho người trên 18 tuổi	Vắc xin Abdala mũi 3 cho người trên 18 tuổi	Liều bổ sung cho người trên 18 tuổi	Mũi 3 (Liều nhắc lại) cho người trên 18 tuổi	Mũi 1 cho người từ 12-17 tuổi	Mũi 2 cho người từ 12-17 tuổi	Tổng số tiêm	Tỷ lệ tiêm/tổng vắc xin phân bố 131 đợt
1	Hà Nội	17.746.562	6.226.930	5.990.621	0	233.889	3.906.406	697.909	673.936	17.729.691	99,9%
2	Hải Phòng	4.413.392	1.696.526	1.619.633	0	559.479	344.028	173.514	174.432	4.567.612	103,5%
3	Thái Bình	3.150.960	1.154.361	1.192.676	97.142	264.621	358.267	150.029	146.159	3.363.255	106,7%
4	Nam Định	3.200.140	1.144.403	1.126.141	0	58.539	497.770	158.398	156.097	3.141.348	98,2%
5	Hà Nam	1.823.260	582.391	572.822	0	273.641	242.647	71.438	69.238	1.812.177	99,4%
6	Ninh Bình	1.747.960	675.426	668.271	0	235.215	291.584	82.166	78.443	2.031.105	116,2%
7	Thanh Hoá	7.735.680	2.205.107	2.145.276	290.250	406.824	445.737	283.435	281.516	6.058.145	78,3%
8	Bắc Giang	3.702.018	1.305.661	1.288.142	0	159.744	1.047.406	149.767	149.254	4.099.974	110,7%
9	Bắc Ninh	3.052.490	1.135.611	1.091.640	0	360.409	400.753	115.527	108.163	3.212.103	105,2%
10	Phú Thọ	2.463.940	1.002.573	999.796	0	286.439	398.993	124.912	123.397	2.936.110	119,2%



TT	Tỉnh	Tổng số vắc xin phân bổ 131 đợt	Mũi 1 cho người trên 18 tuổi	Mũi 2 cho người trên 18 tuổi	Vắc xin Abdala mũi 3 cho người trên 18 tuổi	Liều bổ sung cho người trên 18 tuổi	Mũi 3 (Liều nhắc lại) cho người trên 18 tuổi	Mũi 1 cho người từ 12-17 tuổi	Mũi 2 cho người từ 12-17 tuổi	Tổng số tiêm	Tỷ lệ tiêm/tổng vắc xin phân bổ 131 đợt
11	Vĩnh Phúc	2.292.030	790.372	770.851	0	242.233	348.383	114.275	112.331	2.378.445	103,8%
12	Hải Dương	3.284.650	1.331.950	1.278.761	5.429	95.166	655.862	157.247	153.881	3.678.296	112,0%
13	Hưng Yên	2.457.762	822.811	798.818	0	304.230	321.810	110.591	110.075	2.468.335	100,4%
14	Thái Nguyên	2.407.650	920.084	888.549	12.792	203.029	226.894	108.213	106.691	2.466.252	102,4%
15	Bắc Cạn	580.140	218.013	216.988	0	12.990	67.245	25.221	23.665	564.122	97,2%
16	Quảng Ninh	3.281.368	1.007.655	972.389	0	21.625	833.415	119.421	110.336	3.064.841	93,4%
17	Hoà Bình	1.646.630	550.050	517.541	0	232.023	139.565	75.444	71.462	1.586.085	96,3%
18	Nghệ An	5.498.900	2.005.436	1.998.146	499.033	570.777	618.628	281.138	267.952	6.241.110	113,5%
19	Hà Tĩnh	2.270.650	801.478	735.249	0	230.717	128.139	113.667	111.801	2.121.051	93,4%
20	Lai Châu	782.870	255.992	245.587	0	107.175	91.458	53.501	47.992	801.705	102,4%
21	Lạng Sơn	1.741.530	508.579	496.459	0	0	417.188	66.528	62.859	1.551.613	89,1%
22	Tuyên Quang	1.425.200	492.446	488.078	0	40.926	243.014	70.237	67.026	1.401.727	98,4%

TT	Tỉnh	Tổng số vắc xin phân bổ 131 đợt	Mũi 1 cho người trên 18 tuổi	Mũi 2 cho người trên 18 tuổi	Vắc xin Abdala mũi 3 cho người trên 18 tuổi	Liều bổ sung cho người trên 18 tuổi	Mũi 3 (Liều nhắc lại) cho người trên 18 tuổi	Mũi 1 cho người từ 12-17 tuổi	Mũi 2 cho người từ 12-17 tuổi	Tổng số tiêm	Tỷ lệ tiêm/tổng vắc xin phân bổ 131 đợt
23	Hà Giang	1.732.720	484.714	466.197	442	130.181	188.427	88.264	81.108	1.439.333	83,1%
24	Cao Bằng	995.520	350.584	332.272	0	72.918	119.435	45.548	41.433	962.190	96,7%
25	Yên Bái	1.637.480	516.074	505.212	0	262.922	204.701	78.940	75.560	1.643.409	100,4%
26	Lào Cai	1.514.820	464.729	451.063	0	252.712	112.379	80.505	74.348	1.435.736	94,8%
27	Sơn La	1.828.320	737.317	695.635	2.334	0	205.930	140.915	131.383	1.913.514	104,7%
28	Điện Biên	1.145.460	339.330	313.403	0	181.853	78.612	72.701	58.834	1.044.733	91,2%
<b>Cộng miền Bắc</b>		<b>85.560.102</b>	<b>29.726.603</b>	<b>28.866.216</b>	<b>907.422</b>	<b>5.800.277</b>	<b>12.934.676</b>	<b>3.809.451</b>	<b>3.669.372</b>	<b>85.714.017</b>	<b>100,2%</b>
29	Quảng Bình	1.520.330	536.575	519.901	0	156.733	132.686	79.703	68.600	1.494.198	98,3%
30	Quảng Trị	1.306.372	432.421	415.809	10.581	62.440	192.748	64.787	60.160	1.238.946	94,8%
31	TT- Huế	2.428.386	786.696	764.799	0	267.001	264.455	102.409	98.227	2.283.587	94,0%
32	Tp. Đà Nẵng	2.495.632	867.080	859.668	0	83.621	718.370	100.756	98.849	2.728.344	109,3%
33	Quảng Nam	3.189.860	1.044.504	1.034.400	31.972	384.297	256.693	132.605	130.337	3.014.808	94,5%

TT	Tỉnh	Tổng số vắc xin phân bổ 131 đợt	Mũi 1 cho người trên 18 tuổi	Mũi 2 cho người trên 18 tuổi	Vắc xin Abdala mũi 3 cho người trên 18 tuổi	Liều bổ sung cho người trên 18 tuổi	Mũi 3 (Liều nhắc lại) cho người trên 18 tuổi	Mũi 1 cho người từ 12-17 tuổi	Mũi 2 cho người từ 12-17 tuổi	Tổng số tiêm	Tỷ lệ tiêm/tổng vắc xin phân bổ 131 đợt
34	Quảng Ngãi	2.755.364	852.611	804.473	0	110.338	340.484	113.371	112.494	2.333.771	84,7%
35	Bình Định	2.964.670	1.049.121	1.014.731	53.672	348.237	270.914	140.863	137.763	3.015.301	101,7%
36	Phú Yên	1.732.454	625.920	597.664	502	77.575	248.909	85.522	80.618	1.716.710	99,1%
37	Khánh Hòa	2.755.850	976.959	951.437	0	404.009	398.641	122.332	116.365	2.969.743	107,8%
38	Ninh Thuận	1.233.610	431.541	402.807	0	140.087	151.628	61.338	56.507	1.243.908	100,8%
39	Bình Thuận	2.720.780	914.656	885.622	7.207	265.201	147.809	131.655	125.615	2.477.765	91,1%
<b>Cộng miền Trung</b>		<b>25.103.308</b>	<b>8.518.084</b>	<b>8.251.311</b>	<b>103.934</b>	<b>2.299.539</b>	<b>3.123.337</b>	<b>1.135.341</b>	<b>1.085.535</b>	<b>24.517.081</b>	<b>97,7%</b>
40	Kon Tum	1.020.100	320.764	320.322	10.696	92.724	91.712	58.967	55.533	950.718	93,2%
41	Gia Lai	2.734.912	996.091	916.226	77.472	216.022	148.446	167.610	145.125	2.666.992	97,5%
42	Đắk Lắk	3.400.550	1.258.846	1.199.514	0	503.584	205.790	178.061	164.158	3.509.953	103,2%
43	Đắk Nông	1.287.080	403.172	399.092	0	206.140	125.370	68.070	65.742	1.267.586	98,5%
<b>Cộng Tây Nguyên</b>		<b>8.442.642</b>	<b>2.978.873</b>	<b>2.835.154</b>	<b>88.168</b>	<b>1.018.470</b>	<b>571.318</b>	<b>472.708</b>	<b>430.558</b>	<b>8.395.249</b>	<b>99,4%</b>

TT	Tỉnh	Tổng số vắc xin phân bổ 131 đợt	Mũi 1 cho người trên 18 tuổi	Mũi 2 cho người trên 18 tuổi	Vắc xin Abdala mũi 3 cho người trên 18 tuổi	Liều bổ sung cho người trên 18 tuổi	Mũi 3 (Liều nhắc lại) cho người trên 18 tuổi	Mũi 1 cho người từ 12-17 tuổi	Mũi 2 cho người từ 12-17 tuổi	Tổng số tiêm	Tỷ lệ tiêm/tổng vắc xin phân bổ 131 đợt
44	TP. HCM	20.309.820	7.393.056	6.671.665	0	677.772	4.154.210	727.990	683.122	20.307.815	100,0%
45	BR-VT	2.756.640	970.883	908.501	0	3.489	614.263	110.526	109.272	2.716.934	98,6%
46	Đồng Nai	6.663.800	2.720.658	2.352.299	0	166.924	507.935	284.577	274.288	6.306.681	94,6%
47	Tiền Giang	3.725.890	1.324.918	1.275.866	130.098	105.104	681.679	156.756	157.849	3.832.270	102,9%
48	Long An	4.333.358	1.500.605	1.462.262	0	21.488	1.107.309	171.734	157.132	4.420.530	102,0%
49	Lâm Đồng	2.968.224	982.487	965.503	0	523.969	227.466	138.865	120.218	2.958.508	99,7%
50	Tây Ninh	2.581.560	948.660	890.214	0	32.470	491.477	109.066	100.641	2.572.528	99,7%
51	Cần Thơ	2.765.418	944.104	942.438	5.968	341.457	259.433	109.774	102.248	2.705.422	97,8%
52	Sóc Trăng	2.581.060	899.036	865.520	0	662.920	48.563	116.852	111.026	2.703.917	104,8%
53	An Giang	4.054.292	1.363.760	1.344.928	190.197	437.971	255.261	204.039	188.946	3.985.102	98,3%
54	Bến Tre	2.994.032	1.023.177	1.005.965	0	463.739	226.996	106.936	104.290	2.931.103	97,9%
55	Trà Vinh	2.098.550	698.874	685.171	0	14.376	443.219	98.456	90.955	2.031.051	96,8%

TT	Tỉnh	Tổng số vắc xin phân bổ 131 đợt	Mũi 1 cho người trên 18 tuổi	Mũi 2 cho người trên 18 tuổi	Vắc xin Abdala mũi 3 cho người trên 18 tuổi	Liều bổ sung cho người trên 18 tuổi	Mũi 3 (Liều nhắc lại) cho người trên 18 tuổi	Mũi 1 cho người từ 12-17 tuổi	Mũi 2 cho người từ 12-17 tuổi	Tổng số tiêm	Tỷ lệ tiêm/tổng vắc xin phân bổ 131 đợt
56	Vĩnh Long	2.337.120	778.576	763.999	0	290.430	325.025	92.763	87.941	2.338.734	100,1%
57	Đồng Tháp	3.629.810	1.160.481	1.200.662	148	373.642	304.556	157.885	149.140	3.346.514	92,2%
58	Bình Dương	6.222.150	2.434.353	2.181.359	0	144.129	830.697	191.325	152.826	5.934.689	95,4%
59	Bình Phước	2.212.180	752.609	720.970	2	214.689	159.128	109.584	100.949	2.057.931	93,0%
60	Kiên Giang	3.601.150	1.238.102	1.173.734	67.200	0	380.384	167.191	158.557	3.185.168	88,4%
61	Cà Mau	2.457.310	819.787	809.044	0	436.097	125.606	112.601	111.924	2.415.059	98,3%
62	Bạc Liêu	1.609.230	568.372	559.932	0	179.399	196.040	88.803	86.139	1.678.685	104,3%
63	Hậu Giang	1.529.630	532.174	513.671	0	251.100	114.492	74.042	71.613	1.557.092	101,8%
<b>Cộng miền Nam</b>		<b>81.431.224</b>	<b>29.054.672</b>	<b>27.293.703</b>	<b>393.613</b>	<b>5.341.165</b>	<b>11.453.739</b>	<b>3.329.765</b>	<b>3.119.076</b>	<b>79.985.733</b>	<b>98,2%</b>

**Ghi chú:**

- 320.800 liều vắc xin AstraZeneca đợt 129; 1.223.630 liều vắc xin Moderna đợt 130 và 500.000 liều vắc xin Verocell đợt 131 có Quyết định phân bổ ngày 01/3/2022; 100.000 liều vắc xin Sputnik Light có Công văn phân bổ ngày 03/3/2022.

- Một số tỉnh, thành phố có số tiêm mũi 1, mũi 2 cao hơn dân số từ 18 tuổi trở lên và số tiêm mũi 2 cao hơn mũi 1 do di biến động dân cư.

- Số phân bổ trên bảng chưa bao gồm 65.950 liều vắc xin kiểm định, lưu mẫu; 310.000 liều cấp cho các đơn vị theo yêu cầu của nhà tài trợ (Tập đoàn Vạn Thịnh Phát, Đại sứ quán Trung Quốc tại Việt Nam, VNVC) và số phân bổ của Bộ Quốc phòng/Bộ Công an.

- Bộ Quốc phòng được cấp 1.649.420 liều vắc xin, đơn vị y tế của Bộ Quốc phòng đã triển khai tiêm được 1.430.908 liều, trong đó có 574.604 mũi 1, 519.399 mũi 2 và 336.905 liều nhắc lại.

- Bộ Công an được cấp 1.442.480 liều, đơn vị y tế của Bộ Công an triển khai tiêm được 136.259 liều, trong đó có 59.924 mũi 1, 37.872 mũi 2 và 38.463 liều nhắc lại; Số vắc xin do tỉnh, thành phố hỗ trợ triển khai được tổng hợp vào kết quả tiêm của tỉnh.

**PHỤ LỤC 3**  
**TỶ LỆ BAO PHỦ VẮC XIN PHÒNG COVID-19 TẠI 63 TỈNH, THÀNH PHỐ**  
**(Tính đến hết ngày 12/3/2022)**

TT	Tỉnh	Dân số 18 tuổi trở lên	Dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ mũi 1/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 2/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 3 (mũi nhắc lại)/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 1/ dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ mũi 2 /dân số từ 12-17 tuổi
1	Hà Nội	5.449.464	676.050	100,0%	100,0%	71,7%	100,0%	99,7%
2	Hải Phòng	1.442.515	168.000	100,0%	100,0%	23,8%	100,0%	100,0%
3	Thái Bình	1.245.000	150.000	92,7%	95,8%	28,8%	100,0%	97,4%
4	Nam Định	1.159.000	145.000	98,7%	97,2%	42,9%	100,0%	100,0%
5	Hà Nam	612.219	72.258	95,1%	93,6%	39,6%	98,9%	95,8%
6	Ninh Bình	665.715	81.762	101,5%	100,0%	43,8%	100,0%	95,9%
7	Thanh Hoá	2.204.426	285.497	100,0%	97,3%	20,2%	99,3%	98,6%
8	Bắc Giang	1.280.197	150.059	100,0%	100,0%	81,8%	99,8%	99,5%
9	Bắc Ninh	1.146.710	116.710	99,0%	95,2%	34,9%	99,0%	92,7%
10	Phú Thọ	1.010.520	128.757	99,2%	98,9%	39,5%	97,0%	95,8%
11	Vĩnh Phúc	789.896	115.958	100,0%	97,6%	44,1%	98,5%	96,9%
12	Hải Dương	1.344.063	157.641	99,1%	95,1%	48,8%	99,8%	97,6%
13	Hưng Yên	826.028	112.803	99,6%	96,7%	39,0%	98,0%	97,6%
14	Thái Nguyên	918.061	107.936	100,2%	96,8%	24,7%	100,0%	98,8%
15	Bắc Cạn	220.169	25.202	99,0%	98,6%	30,5%	100,0%	93,9%
16	Quảng Ninh	1.020.234	121.623	98,8%	95,3%	81,7%	98,2%	90,7%
17	Hoà Bình	570.146	73.734	96,5%	90,8%	24,5%	100,0%	96,9%



TT	Tỉnh	Dân số 18 tuổi trở lên	Dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ mũi 1/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 2/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 3 (mũi nhắc lại)/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 1/ dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ mũi 2 /dân số từ 12-17 tuổi
18	Nghệ An	1.960.688	274.429	100,0%	100,0%	31,6%	100,0%	97,6%
19	Hà Tĩnh	795.436	115.398	100,0%	92,4%	16,1%	98,5%	96,9%
20	Lai Châu	261.410	52.540	97,9%	93,9%	35,0%	100,0%	91,3%
21	Lạng Sơn	506.403	65.750	100,0%	98,0%	82,4%	100,0%	95,6%
22	Tuyên Quang	488.140	72.401	100,0%	100,0%	49,8%	97,0%	92,6%
23	Hà Giang	490.008	89.928	98,9%	95,1%	38,5%	98,1%	90,2%
24	Cao Bằng	368.973	44.257	95,0%	90,1%	32,4%	100,0%	93,6%
25	Yên Bái	510.271	79.169	100,0%	99,0%	40,1%	99,7%	95,4%
26	Lào Cai	445.152	79.914	100,0%	100,0%	25,2%	100,0%	93,0%
27	Sơn La	737.237	141.675	100,0%	94,4%	27,9%	99,5%	92,7%
28	Điện Biên	339.186	67.539	100,0%	92,4%	23,2%	100,0%	87,1%
<b>Cộng miền Bắc</b>		<b>28.807.267</b>	<b>3.771.990</b>	<b>100,0%</b>	<b>100,0%</b>	<b>44,9%</b>	<b>100,0%</b>	<b>97,3%</b>
29	Quảng Bình	541.719	79.538	99,1%	96,0%	24,5%	100,0%	86,2%
30	Quảng Trị	453.602	65.509	95,3%	91,7%	42,5%	98,9%	91,8%
31	TT- Huế	779.911	103.142	100,0%	98,1%	33,9%	99,3%	95,2%
32	Tp. Đà Nẵng	885.070	102.225	98,0%	97,1%	81,2%	98,6%	96,7%
33	Quảng Nam	1.086.469	140.387	96,1%	95,2%	23,6%	94,5%	92,8%
34	Quảng Ngãi	852.717	114.877	100,0%	94,3%	39,9%	98,7%	97,9%
35	Bình Định	1.115.072	146.514	94,1%	91,0%	24,3%	96,1%	94,0%

TT	Tỉnh	Dân số 18 tuổi trở lên	Dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ mũi 1/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 2/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 3 (mũi nhắc lại)/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 1/ dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ mũi 2 /dân số từ 12-17 tuổi
36	Phú Yên	649.673	85.684	96,3%	92,0%	38,3%	99,8%	94,1%
37	Khánh Hòa	952.940	128.449	100,0%	99,8%	41,8%	95,2%	90,6%
38	Ninh Thuận	419.775	61.690	100,0%	96,0%	36,1%	99,4%	91,6%
39	Bình Thuận	902.470	128.964	100,0%	98,1%	16,4%	100,0%	97,4%
<b>Cộng miền Trung</b>		<b>8.639.418</b>	<b>1.156.979</b>	<b>98,6%</b>	<b>95,5%</b>	<b>36,2%</b>	<b>98,1%</b>	<b>93,8%</b>
40	Kon Tum	338.741	60.751	94,7%	94,6%	27,1%	97,1%	91,4%
41	Gia Lai	950.154	166.462	100,0%	96,4%	15,6%	100,0%	87,2%
42	Đắk Lắk	1.266.098	185.763	99,4%	94,7%	16,3%	95,9%	88,4%
43	Đắk Nông	404.872	68.824	99,6%	98,6%	31,0%	98,9%	95,5%
<b>Cộng Tây Nguyên</b>		<b>2.959.865</b>	<b>481.800</b>	<b>100,0%</b>	<b>95,8%</b>	<b>19,3%</b>	<b>98,1%</b>	<b>89,4%</b>
44	TP. HCM	6.826.573	831.740	100,0%	97,7%	60,9%	87,5%	82,1%
45	BR-VT	956.596	112.724	100,0%	95,0%	64,2%	98,1%	96,9%
46	Đồng Nai	2.489.971	292.031	100,0%	94,5%	20,4%	100,0%	93,9%
47	Tiền Giang	1.300.609	158.524	100,0%	98,1%	52,4%	98,9%	99,6%
48	Long An	1.452.231	167.662	100,0%	100,0%	76,2%	100,0%	93,7%
49	Lâm Đồng	972.137	131.801	100,0%	99,3%	23,4%	100,0%	91,2%
50	Tây Ninh	954.662	103.358	99,4%	93,2%	51,5%	100,0%	97,4%
51	Cần Thơ	947.860	112.746	99,6%	99,4%	27,4%	97,4%	90,7%
52	Sóc Trăng	866.520	111.555	100,0%	99,9%	5,6%	100,0%	99,5%

TT	Tỉnh	Dân số 18 tuổi trở lên	Dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ mũi 1/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 2/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 3 (mũi nhắc lại)/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 1/ dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ mũi 2 /dân số từ 12-17 tuổi
53	An Giang	1.371.622	198.826	99,4%	98,1%	18,6%	100,0%	95,0%
54	Bến Tre	1.038.922	104.446	98,5%	96,8%	21,8%	100,0%	99,9%
55	Trà Vinh	698.227	96.275	100,0%	98,1%	63,5%	100,0%	94,5%
56	Vĩnh Long	769.026	91.692	100,0%	99,3%	42,3%	100,0%	95,9%
57	Đồng Tháp	1.245.157	159.973	93,2%	96,4%	24,5%	98,7%	93,2%
58	Bình Dương	2.361.053	194.210	100,0%	92,4%	35,2%	98,5%	78,7%
59	Bình Phước	758.594	107.044	99,2%	95,0%	21,0%	100,0%	94,3%
60	Kiên Giang	1.190.277	172.958	100,0%	98,6%	32,0%	96,7%	91,7%
61	Cà Mau	813.771	112.247	100,0%	99,4%	15,4%	100,0%	99,7%
62	Bạc Liêu	572.580	90.822	99,3%	97,8%	34,2%	97,8%	94,8%
63	Hậu Giang	536.163	70.270	99,3%	95,8%	21,4%	100,0%	100,0%
<b>Cộng miền Nam</b>		<b>28.122.551</b>	<b>3.420.904</b>	<b>103,3%</b>	<b>97,1%</b>	<b>40,7%</b>	<b>100,0%</b>	<b>91,2%</b>

**PHỤ LỤC 4**  
**Công tác liên quan đến phòng, chống dịch COVID-19**  
**của một số Bộ, ngành**

**I. Bộ Quốc phòng**

Tình hình nhập xuất cảnh qua biên giới đường bộ từ 16h00 ngày 11/3/2022 đến 16h00 ngày 12/3/2022:

- Tổng xuất nhập cảnh: 4.006 lượt người (nhập cảnh: 1.696, xuất cảnh: 2.310).
- + Tuyến VN-TQ: 594 lượt người (nhập cảnh: 276, xuất cảnh: 318).
- + Tuyến VN-Lào: 2.358 lượt người (nhập cảnh 1.083, xuất cảnh: 1.275).
- + Tuyến VN-CPC: 1.054 lượt người (nhập cảnh 337; xuất cảnh: 717).
- Bàn giao cho y tế địa phương cách ly: 184 người trong đó:
  - + Số người nhập cảnh qua cửa khẩu: 137 người (VN-TQ: 23; VN-Lào: 114, VN-CPC: 0).
  - + Số người nhập cảnh trái phép: 45 người (VN-TQ: 0; VN-Lào: 0, VN-CPC: 45).
  - + Số người trao trả: 02 người (VN-TQ: 02; VN-Lào: 0, VN-CPC: 0).

**II. Bộ Công an**

Tình hình nhập xuất cảnh qua đường hàng không từ ngày 10/3/2022 tới ngày 11/3/2022:

- Tổng số người nước ngoài nhập xuất cảnh: 985 lượt người (nhập cảnh: 578 lượt người; xuất cảnh: 407 lượt người).
- Tổng số công dân Việt Nam nhập xuất cảnh: 2.001 lượt người (nhập cảnh: 1.061 lượt người; xuất cảnh: 940 lượt người).

**III. Thông tấn xã Việt Nam**

Ngày 13/3, TTXVN đăng phát, cung cấp cho các cơ quan báo chí, thông tin trực tiếp đến công chúng 19 tin/bài tiếng Việt; 27 ảnh trong nước và quốc tế; 10 tin/bài bằng các ngữ Anh, Pháp, Trung, Tây Ban Nha, Nga; Trung tâm Truyền hình Thông tấn sản xuất và phát sóng tin, phóng sự về diễn biến dịch bệnh, công tác phòng, chống COVID-19 ở trong nước và các vấn đề liên quan, cập nhật diễn biến dịch bệnh trên thế giới. Trung tâm Thông tin tư liệu và Đồ họa thực hiện một số đồ họa về tình hình dịch bệnh COVID-19, công tác tiêm vaccine ngừa COVID-19...

Các đơn vị thông tin và Cơ quan thường trú tại các địa phương của TTXVN tập trung thông tin chỉ đạo của Chính phủ, Ban Chỉ đạo Quốc gia về phòng, chống dịch COVID-19, trong đó có việc kiểm điểm, làm rõ trách nhiệm và xử lý các tổ chức, cá nhân để chậm trễ việc mua vaccine cho trẻ em từ 5 đến dưới 12 tuổi; chỉ đạo, kiến nghị của Bộ Y tế về phòng, chống dịch COVID-19, trong đó có tăng cường tiêm chủng vaccine phòng COVID-19, đảm bảo đến hết Quý I/2022 phải bao phủ mũi 3 cho những người đã đến lịch tiêm chủng; nỗ lực kiểm soát dịch COVID-19 ở các địa phương trong đó có việc rà soát, tăng giường điều trị trước tình hình trẻ mắc COVID-19 gia tăng; tập trung triển khai chiến dịch tiêm chủng vaccine phòng COVID-19 cho người dân; thu dung điều trị các trường hợp F0 thể nhẹ không triệu chứng; phân tuyến

điều trị cho các bệnh nhân nặng phải chuyển tầng; khuyến cáo người dân không chủ quan, lơ là trong công tác phòng chống dịch; xử lý các vi phạm về phòng, chống dịch COVID-19...

Về thông tin quốc tế, các Cơ quan thường trú ngoài nước phối hợp với các đơn vị của TTXVN thông tin cập nhật tình hình dịch bệnh trên thế giới; nhiều nước nói lòng quy định phòng, chống dịch; kết quả một số nghiên cứu về dịch bệnh COVID-19, vaccine phòng COVID-19...

#### **IV. Bộ Thông tin và truyền thông**

##### **1. Viễn thông**

- Các DNVT di động tiếp tục duy trì việc cài đặt âm thông báo tại: Bà Rịa-Vũng Tàu, Bình Phước.

- Tính đến hết 12/3, hệ thống tổng đài 19009095 đã tiếp nhận và xử lý gần 10.449.000 cuộc gọi (ngày 12/3 đã tiếp nhận và xử lý hơn 4 nghìn cuộc gọi).

02/3	03/3	04/3	05/3	06/3	07/3	08/3	09/3	10/3	11/3	12/3
7116	7128	6485	5629	5763	5954	5474	6212	5829	5393	4394

- Tổng đài hỗ trợ khai báo y tế 18001119:

Từ 18/5/2021 – 12/3/2022 đã tiếp nhận hơn 313 nghìn cuộc (ngày 12/3/2022 đã tiếp nhận 25 cuộc).

Tiêu chí	02/3	03/3	04/3	05/3	06/3	07/3	08/3	09/3	10/3	11/3	12/3
Cuộc gọi đến	73	76	58	52	56	43	41	35	46	33	25

##### **2. Ứng dụng Công nghệ thông tin:**

###### **2.1. Triển khai ứng dụng PC-Covid:**

- Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, đến ngày 30/9/2021, Bộ TT&TT đã hoàn tất việc phát triển một ứng dụng duy nhất của Ban Chỉ đạo phòng, chống Covid-19 Quốc gia lấy tên là PC-Covid. Ứng dụng PC-Covid đã được đưa lên Kho ứng dụng Apple và Google và chính thức được giới thiệu vào ngày 01/10/2021.

- Toàn quốc có tổng số điện thoại thông minh cài PC-Covid: 37.823.000, chiếm 39,43% dân số, 56,72% số điện thoại thông minh.

###### **2.2 Triển khai QR code**

Triển khai Nền tảng khai báo y tế điện tử và quản lý thông tin người ra vào địa điểm công cộng bằng mã vuông QR giúp truy vết nhanh, khi có trường hợp F0 dễ dàng phát hiện ngay danh sách các địa điểm công cộng mà F0 đã đến.

- Toàn quốc:

+ 3.774.541 điểm đăng ký

+ 90.258 điểm ghi nhận hoạt động.

- Tổng lượt quét mã QR để ghi nhận vào ra tại các địa điểm đăng ký: 265.417.503

###### **2.3 Nền tảng quản lý tiêm chủng:**

- Tổng số mũi tiêm thực tế: 200.179.247

- Tổng số mũi tiêm đã cập nhật lên Nền tảng: 186.243.584
- Tỷ lệ tổng mũi tiêm trên nền tảng/ tổng mũi tiêm thực tế đạt: 93,04%
- Tổng số thuê bao cài đặt Số sức khỏe điện tử (SKĐT): 33.266.459
- Nền tảng quản lý tiêm chủng Covid-19 đã được hoàn thành và đang được triển khai tại các tỉnh, thành phố.

### **3. Báo chí, truyền thông**

- Tin, bài về COVID-19 chiếm 14,5%/tổng tin, bài trên báo chí điện tử.
- Một số các cơ quan báo chí vẫn duy trì nhiều tin, bài về phòng, chống dịch: Báo Tin tức, Thanh niên, Lao động, VOV, Nhân dân, Tuổi trẻ, Tiền phong, Người lao động...

#### **(1) Nhận định chung:**

- Báo chí thông tin kịp thời về các chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, BCD Quốc gia về phòng, chống dịch bệnh COVID-19.
- Tuyên truyền về việc phòng, chống dịch tại địa phương: cắt giảm thủ tục để người dân tiếp cận sớm với thuốc kháng vi rút; hướng dẫn, cảnh báo nâng cao phòng, chống dịch...
- Tiếp tục hướng dẫn, khuyến cáo việc điều trị F0, cách sử dụng các loại thuốc an toàn; tuyên truyền nâng cao ý thức của người dân, không được lơ là, chủ quan khi số ca mắc trong cộng đồng ngày càng tăng cao.

#### **(2) Thông tin về chỉ đạo chống dịch:**

- Bộ Y tế đề nghị các địa phương tăng cường tiêm vắc-xin, trong đó đẩy mạnh và thần tốc hơn nữa việc triển khai tiêm mũi 3 cho người từ 18 tuổi trở lên, đảm bảo đến hết quý I/2022 phải bao phủ mũi 3 cho những người đã đến lịch tiêm chủng.
- Trao đổi về yếu tố phòng dịch khi mở cửa du lịch, ý kiến của các chuyên gia y tế cho rằng, đến thời điểm Việt Nam có thể mở cửa du lịch hoàn toàn trong trạng thái bình thường mới. Việc mở cửa an toàn, nới lỏng toàn bộ nhưng phải có dự phòng toàn bộ.

#### **(3) Công tác phòng, chống dịch tại Thành phố Hồ Chí Minh và một số địa phương:**

- **Thành phố Hồ Chí Minh:** Phát động đợt cao điểm Chiến dịch bảo vệ người thuộc nhóm nguy cơ cao, đối tượng là những người trên 65 tuổi, có bệnh nền. Một trong những hoạt động trọng tâm của đợt cao điểm là tách riêng F0 trong hộ gia đình ra khỏi nơi lưu trú của người thuộc nhóm nguy cơ cao đảm bảo giảm thiểu thấp nhất nguy cơ COVID-19.

- **Cao Bằng:** Là tỉnh cuối cùng trên cả nước xuất hiện dịch COVID-19, nhưng ngành Y tế tỉnh đã chủ động theo dõi sức khỏe, tầm soát, thường xuyên khuyến cáo những người từng là F0 cần chủ động xây dựng kế hoạch tái khám để phát hiện kịp thời các dấu hiệu của hậu COVID-19 và có phương án bảo vệ sức khỏe tốt nhất.

- **Yên Bái:** Yêu cầu tuyến y tế rà soát, điều chỉnh lại việc phân luồng, cách ly phù hợp với tình hình mới nhằm kịp thời chữa trị cho bệnh nhân F0 nguy kịch, tránh tình trạng tử vong.

- **Long An:** Sau khi được UBND tỉnh đồng ý cho phép doanh nghiệp chủ động đánh giá tình hình và bố trí lao động là F0, F1 được tham gia làm việc. Tuy nhiên, theo phản ánh của báo chí cho thấy, nhiều doanh nghiệp đang cân nhắc, đắn đo trước quyết định này.